

Số: 100 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 10 tháng 8 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 04/CVGT-LONXIN ngày 20/7/2023 của Công ty TNHH sản phẩm Giấy Lonxin Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy Công ty TNHH sản phẩm giấy Lonxin Việt Nam: sản xuất, gia công sản xuất túi giấy - công suất 300 tấn/năm; hộp giấy - công suất 150 tấn/năm; giấy đóng gói - công suất 30 tấn/năm; in ấn bao bì - công suất 480 tấn/năm”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 44/TTr-BQL ngày 03/8/2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH sản phẩm Giấy Lonxin Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô B2-S, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy Công ty TNHH sản phẩm giấy Lonxin Việt Nam sản xuất, gia công sản xuất túi giấy - công suất 300 tấn/năm; hộp giấy - công suất 150 tấn/năm; giấy đóng gói - công suất 30 tấn/năm; in ấn bao bì - công suất 480 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy Công ty TNHH sản phẩm giấy Lonxin Việt Nam: sản xuất, gia công sản xuất túi giấy - công suất 300 tấn/năm; hộp giấy

- công suất 150 tấn/năm; giấy đóng gói - công suất 30 tấn/năm; in ấn bao bì - công suất 480 tấn/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B2-S, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801269671, đăng ký lần đầu ngày 01/3/2022; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 03/01/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1047033515, chứng nhận lần đầu ngày 25/01/2022; chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 23/5/2023 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

1.4. Mã số thuế: 3801269671.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công túi giấy; Sản xuất, gia công hộp giấy; Sản xuất, gia công giấy đóng gói; in ấn bao bì.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại lô B2-S, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam. Diện tích thực hiện dự án 11.700 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Sản xuất, gia công túi giấy, công suất 300 tấn/năm.

+ Sản xuất, gia công hộp giấy, công suất 150 tấn/năm.

+ Sản xuất, gia công giấy đóng gói, công suất 30 tấn/năm.

+ In ấn bao bì (in ấn lên các sản phẩm túi giấy, hộp giấy và giấy đóng gói), công suất 480 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH sản phẩm Giấy Lonxin Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH sản phẩm Giấy Lonxin Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 10 tháng 8 năm 2023 đến ngày 10 tháng 8 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu Kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại



Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH SPG Lonxin Việt Nam;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty CP PTHKT Becamex Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-19GP<sub>8/s</sub>).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**IG CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Anh Minh*

**Phụ lục 1.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 100.../GPMT-UBND  
ngày 10.../8.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước, không xả ra môi trường).

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ Dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại Hợp đồng cho thuê lại đất số 03/2022/HĐTLĐ ngày 10/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước và Công ty TNHH sản phẩm Giấy Lonxin Việt Nam.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh với lưu lượng 16 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 20 m<sup>3</sup>) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm trên đường N4B của KCN Becamex - Bình Phước) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước (khu B) để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1266405, Y = 542700 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3°).

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 03 ngăn) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Chế độ vận hành: liên tục.
- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học, Javen/Clorine.

### ***1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục***

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải.

### ***1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố***

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bể tách mỡ, hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, công thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### ***2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm***

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

## **2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

- Tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ), lấy tại hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép trong văn bản đã ký giữa Công ty TNHH sản phẩm Giấy Lonxin Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước (nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước).

## **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

**3.2.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

**3.3.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**3.4.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.5.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư KCN Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.6.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 2.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 100.../GPMT-UBND*  
*ngày 10.../8.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải từ công đoạn dán keo.
- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn in ấn.
- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
1	Dòng khí thải số 01	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn dán keo, in ấn. (Nguồn số 01, 02)	X = 1266402; Y = 542711.
2	Dòng khí thải số 02	Ống thải từ máy phát điện dự phòng (Nguồn số 03)	X = 1266407; Y = 542722.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.700 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24 giờ/ngày.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (chỉ khi hoạt động máy phát điện dự phòng).

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường**

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số  $k_p = 1,0$ ;  $k_v = 1,0$ ), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B với $k_v = 1,$ $k_p = 1$	QCVN 20:2009/ BTNMT		
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>					Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	Etyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	-	1.400	01 năm/lần	
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>					
<p>Khí thải phát sinh của máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p>						

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

Nguồn số 01, 02: Khí thải phát sinh tại các quá trình dán keo, in ấn được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý (dòng khí thải số 01).

Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại các quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng được dẫn ra ống thải, thải ra môi trường (dòng khí thải số 02).

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 01, 02**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ quá trình dán keo và in ấn → Hệ thống thu gom → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 7.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

### *1.2.2. Hệ thống thu gom khí thải từ nguồn số 03*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ máy phát điện → Ống thải.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 11.700 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

### *1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục*

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

### *1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố*

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế hóa chất, vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình dán keo, in ấn (dòng khí thải số 01): công suất 7.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### *2.2.1. Vị trí lấy mẫu*

Tại 01 ống thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình dán keo, in ấn (nguồn số 01).

#### *2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn

trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**3.1.** Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

**3.2.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.3.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

**3.4.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**3.5.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 3.**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 4.0.0.../GPMT-UBND  
ngày 10.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực chia khô.
- Nguồn số 02: Khu vực cán màng.
- Nguồn số 03: Khu vực dập thép vàng.
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 06: Khu vực hệ thống xử lý khí thải công đoạn dán keo, in ấn.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- + Nguồn số 01: tọa độ: X = 1266400, Y = 542701.
- + Nguồn số 02: tọa độ: X = 1266405, Y = 542706.
- + Nguồn số 03: tọa độ: X = 1266412, Y = 542710.
- + Nguồn số 04: tọa độ: X = 1266415, Y = 542714.
- + Nguồn số 05: tọa độ: X = 1266421, Y = 542717.
- + Nguồn số 06: tọa độ: X = 1266402, Y = 542711.

*(Theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°15', múi 3°)*

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4.**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 100.../GPMT-UBND*  
*ngày 10.../.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	KS	Lỏng	860
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	NH	Rắn	2.600
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	276
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	75
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	1.430
6	Bao bì kim loại dính hóa chất, thùng kim loại dính hóa chất	18 01 02	KS	Rắn	1.360
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	1.700

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
8	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	KS	Rắn/lỏng	35
9	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	Rắn	300
<b>Tổng</b>					<b>8.636</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	Rắn	4.580
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	TT-R	Rắn	1.200
3	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	TT	Bùn	11.520
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>17.300</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	54
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>54</b>

#### **1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

#### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

##### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa*

Thùng chứa, bao bì lưu chứa chuyên dụng; thùng cứng bằng nhựa PVC, có nắp đậy, chống thấm, thùng có dung tích 50 lít, 120 lít.

##### *2.1.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế, cấu tạo của kho: có nền chống thấm, mái che, tường bao, có rãnh rỗng thoát nước và có dán nhãn chất thải nguy hại theo đúng quy định. Kho CTNH được trang bị đầy đủ biển cảnh báo và thiết bị PCCC theo quy định.

#### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

##### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa*

Bao bì, thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa PVC có dung tích 220 lít.

##### *2.2.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Được xây dựng, lắp đặt chắc chắn, có nền cao chống thấm, vách bao quanh, mái tôn, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm.

#### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

##### *2.3.1. Thiết bị lưu chứa*

Các thùng chứa bằng nhựa PVC có dung tích 20 lít, 50 lít, 120 lít tại các khu vực văn phòng, bảo vệ và các nhà vệ sinh.

##### *2.3.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho: 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Được xây dựng, lắp đặt chắc chắn, có nền cao chống thấm, vách bao quanh, mái tôn, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm.



#### ***2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt***

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5.**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *A.0.0...*/GPMT-UBND  
ngày *10...*/*5...*/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.